

TN. Nguyễn Liên dịch

Phật giáo có hệ thống học thuyết luân lý đạo đức cho chính mình. Trong quá trình sáng lập truyền bá và phát triển Phật giáo, đạo đức Phật giáo dần dần hình thành và hoàn chỉnh.

Đạo đức Phật giáo phụ thuộc toàn bộ vào hệ thống giáo nghĩa của Phật giáo, nó đảm trách vai trò điều chỉnh sự hài hòa giữa Tăng nhân và nội bộ giáo đoàn, giữa tín đồ và Tăng nhân, nhằm điều chỉnh các hành vi, quy tắc, tiêu chuẩn và ý chí đạo đức, quan niệm luân lý của các mối quan hệ quần chúng xã hội, quốc gia và giáo đoàn Phật giáo. Đạo đức Phật giáo tuy thể hiện rõ ràng trong giáo nghĩa và lý luận Phật giáo, nhưng có thể nói sự thể hiện đạo đức Phật giáo tập trung đặc biệt trong giới luật Phật giáo.

I – GIỚI LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO

Giới, tiếng Phạn là Sila, phiên âm là Thi La, nghĩa là quán hạnh, sau đó trong Phật giáo nghĩa này được chuyển thành hành vi, tập quán. Tuy giới thông thường thì nhiều, nhưng được tách góc độ thì có hai “giới” mà nhìn thì đôi lúc giới cũng được hiểu như là đạo đức, tính thiện, cung kính v.v.... Trong Đại Trí Độ Luận quyển thứ 13 có ghi: “hiếu hành thiện đạo, bất tác phóng dật, thanh danh thi la.

Hoặc thể giới hành thiện, hoặc bất tác giới hành thiện, giai danh thi la” (nghĩa là thích hành nhiếp thiện, tự mình không phóng dật, gọi là thi la, hoặc thể giới luật, hành pháp thiện lành, hoặc không thể giới luật, không thể hành pháp thiện, đều gọi là thi la).

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sau khi sáng lập Phật giáo, sự lớn mạnh tín đồ và Phật tử không ngừng tăng lên, đem mối quan hệ giữa Tăng chúng và nội bộ giáo đoàn, giữa Tăng nhân và tín đồ, giữa dân chúng xã hội và giáo đoàn nhập nhằng lẫn lộn, và để thích ứng với nhu cầu truyền giáo, trên mặt giáo nghĩa, ngoài mặt tiêu chuẩn nâng cao những quan niệm tập tục, lý luận và đời sống tu hành cho đạo chúng, Ngài còn căn cứ vào những vấn đề phát sinh trong nội bộ giáo đoàn để lần lượt đưa ra một loạt những qui tắc, qui củ, giáo điều, giới cấm... để thúc đẩy hành vi phóng túng của đời sống, Phật giáo gọi đó là giới cấm, giới điều hoặc hạnh xả, tập tục những điều đó đều dùng để phòng phi phạm.

Sau khi Đức Phật tịch diệt, trong quá trình phát triển và truyền bá Phật giáo, giới luật Phật giáo cũng theo đó mà phát triển, nhưng trên căn bản vẫn trung thành với những giới điều do Đức Phật chế định. Dựa vào tình hình khác nhau của tín đồ Tăng (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Sa Di, Sa Di Ni), tỳ cô (nam cư sĩ, nữ cư sĩ) mà chế định 5 giới, 8 giới, 10 giới, cư túc giới... Quy điều của những giới này nằm rải rác trong kinh A Hàm, ngoài ra thì thi kệ Phật giáo bộ phái những giới luật trong hệ thống Nam truyền Phật giáo cũng đã biên tập thành sách như Ma Ha Tăng Kỳ Luật, Tỳ Phạn Luật, Thập Tỳ nại Luật, Ngũ Phạn Luật v.v...

Tổ giai đàn Phật Giáo Nguyên Thủy hiện đã biên chép một cách có hệ thống và không ngừng bổ khuyết để hình thành từng luật, tuy nhiên giới luật đời thường truyền thống không giới hạn nhau của các bộ phái nên số lượng giới điều cũng không giới hạn nhau, song thống nhất trên nội dung căn bản. Thi kệ trước và sau công nguyện, thi kệ xuất hiện trong hệ thống Đức Phật giáo, giới luật Đức Phật giáo đã hình thành. Những kinh điển liên quan nhau như những bộ kinh nội tạng Phật giáo Tiểu Thừa, Du Già Sớ Đà La Luật. Bộ Tát Giới Phật giáo... của hệ thống Đức Phật giáo cùng tồn tại, phát triển song song và phối hợp lẫn nhau với những giới luật thuộc hệ thống Nam truyền luật thuộc truyền thống đó.

Từ nội dung giới luật Phật giáo có thể thấy được, Phật giáo chế định giới luật chủ yếu có hai tình huống:

Giới điều của Phật giáo xuất phát từ những điều lệ phép tắc của luật pháp và đời sống thông hành trong xã hội đương thời. Chúng ta có thể lấy ví dụ từ giới “không sát sanh”, một giới điều chung cho Tăng nhân và tín đồ thì đã bao hàm nội dung “không giết người”. Nói về giới “không trộm cắp”, thi kệ là bắt kẻ trong luật pháp quốc gia nào cũng đều có điều khoản này. Giới “không vọng ngữ” (tỳ cô không nói láo, không nói lời thô ác...) cho đến giới “không tà dâm” (tỳ cô không nôm y sinh quan hệ bất chính) trong gia đình tín đồ, trên thi kệ đều có trong những quy phạm hành vi đời sống xã hội. Phật giáo xem những điều quy phạm phép tắc đó là “giới tính” cũng gọi là “tính truyền giới” thì những người phạm những giới điều đó sẽ bị truyền tội.

Ngoài ra một tình huống khác nữa là trong bát giới, thập giới, đều có giới không tô son điểm phấn, uốn tóc nhuộm hoa, không mặc trang phục cao, chi u rùng, che phủ đầu, không xem hát múa đến kèn, yến nhậu vui chơi, trong thập giới không ăn quá thời, không nên tiếp xúc tiền bạc, vàng, ngọc, đồ quý báu, và một phần lớn trong giới Đức Phật giáo của cư túc giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đã phần nào nói lên sự hạn chế vì tiêu dùng thái quá với phẩm vật đáng, ngăn ngừa những ngôn ngữ, hành vi không kiểm soát, không giới hạn v.v... thì cư sĩ xuất phát từ sự quán triệt giáo nghĩa tu hành “thiểu dục tri túc” (ít muốn biết đủ), do đó nên tham ái v.v... những

Số giới đi u quan trọng đã được kiến lập cho các chúng tu ở đời. Nhưng ngoài những đời sống phổ thông trong xã hội ra giới luật Phật giáo còn hàm tàng những luân lý đời sống khác.

Như chúng ta đã biết, đời sống xã hội được hình thành trong quá trình hun đúc, tích tụ, lao động và bỏ ra các truyền thống quán, văn hóa, phong tục xã hội, dục lạc, ý chí đời sống cá nhân, tình cảm đời sống cộng đồng... đời sống xã hội dùng để đánh giá khái niệm hành vi và quan niệm đời sống xã hội, trong đó có các quan niệm về thiện - ác, công chánh - thiên vạ, thành thối - hư dối, trung thực - gian trá, hiu hắt - bất hiu v.v....

Nếu người có tình cảm đời sống cao, làm xuất sắc những việc phù hợp đời sống, khi nhận được sự tán dương của xã hội, cá nhân người đó cũng cảm thấy vui vẻ, an lòng và mãn nguyện về đời sống của mình. Ngược lại, người nào bỏ dục lạc xã hội khi n trách, cá nhân họ sẽ cảm thấy áy náy bất an, tự mình luôn trách cứ mình. Giới luật Phật giáo đã thể hiện những điều tập trung về đời sống luân lý của Phật giáo, được nêu ra trên một trình độ nhất định nào đó cũng có thể nhìn nhận khái niệm đời sống đức hạnh của Phật giáo tiến hành đánh giá các hành vi đời sống, đi u này cũng là một cách thể hiện sự bảo vệ tôn nghiêm đời sống và những giới quy, thúc đẩy tiến độ Phật giáo cho được tuân giữ quy phạm đời sống và những giới đi u; những khái niệm này gồm có: ác và thiện, tàm và bất tàm, đời sống và phi đời sống, chánh và tà, từ ái và phá hoại. Những giới luật Phật giáo hoàn toàn không giống với đời sống xã hội, sự khác biệt thể hiện:

1 – Giới đi u Phật giáo không phải toàn bộ là các quan niệm về qui tắc đời sống, ví dụ trong câu tục ngữ của Tăng Ni đa phần đi u là những qui định về hành vi sinh hoạt thường ngày, như trong từ “Tăng tàn” không cho phép kiến lập phòng ốc nhà cửa những nơi không thích đáng. Trong từ điển của, có quy định về cá nhân cho được giữ những mặt sự vật nào đó. Trong “chúng ta pháp” có quy định những nghĩa và những quy tắc sinh hoạt thường ngày, tuy trên phương diện nào đó đã thể hiện tinh thần đời sống, nhưng bản thân giới luật không hoàn toàn thuộc về phạm trù đời sống.

2 – Giới luật Phật giáo không những cho dục lạc vào sự khi n trách nhiệm tâm, thể giác đời sống cá nhân, dục lạc Tăng chúng và xã hội để tiến hành bảo vệ sự tôn nghiêm của tăng đoàn, mà trong quá trình bảo vệ nó còn mang tính cộng đồng cho được thù, ví dụ vì phạm tội trọng giới: dâm, đê, sát, vạ ng sự bỏ đi ra khỏi Tăng đoàn; vì phạm tội “Tăng tàn” sẽ dục lạc theo trình tự qui định mà sám hối, khi sám hối được yêu cầu mới có thể tiếp tục được lưu giữ trong Tăng đoàn; đi u này không giống với đời sống xã hội khi họ thông qua quy củ gia đình, kỷ luật đoàn thể để tiến hành phê bình, giữ gìn tinh thần sám hối cá nhân v.v....

3 – Trên mặt chính thức, giới luật Phật giáo thuộc về hệ thống giáo nghĩa Phật giáo. Giới luật đã kết hợp mặt thi t cùng với giáo thuyết nhân quả thi n ác báo ứng để c thù c a Phật giáo để t n hành lý luận giới thoát.

II – Ngũ giới, thập thi n: trong giới luật Phật giáo, năm giới mang ý nghĩa s c thái độ o c hi n đ i nh t, và thập thi n đ c xem là m i đi u thi n c a đ o đ c.

Thập thi n không nh ng ch bao hàm khái quát n i dung năm giới mà nó còn là c s c a năm giới, nó mang ý nghĩa sâu s c r ng rãi h n năm giới. Trong Kinh A Hàm và r t nhi u kinh Phật khác đ u nói rõ v m i đi u thi n, đ c bi t vào đ i Tùy, Ngài Cù Đàm Pháp Trí d ch Nghi p Báo Sai Bi t Kinh, vào đ i Đ ng, Ngài Th t Xoa Nan Đà d ch h p Thi n Nghi p Đ o Kinh nh ng Kinh này đã đ c nhi u v lu n s nghiên c u, gi ng nói. Nói v m i quan h gi a năm giới và thập thi n, xin xem d i đây:

Thập thi n:

- không sát sanh

- không tà dâm

- không tr m c p

- không vọng ngữ (bất vọng ngữ, bất loạn ngữ thì tất cả không khiêu khích đối bất thùy phi), bất ác khẩu (không nói xấu người khác, miệng ngữ hòa ái), bất phi ngữ (không nói lời điều ngoa, xảo trá).

- Không tham dục, sân nhuế, si mê (không trái với giáo lý của Phật giáo)

Ngũ giới:

- không sát sanh

- không trộm cắp

- không tà dâm

- không vọng ngữ

- không uống rượu

Ba nghiệp phải nên có a ý trong mọi việc, không tham dục, không sân nhuế, không tà kiến là lý thuyết của Phật giáo dùng để đời cho những người phiến não cần nên như tham, sân, si, ngăn chặn nguyên nhân tạo ra số luân hồi sanh tử cho nhân sanh. Phật nói đó vốn là mục tiêu tinh thần mà Phật giáo truy tìm, cũng là quan niệm mà người quát cả đời của Phật giáo, là đời mà xuất phát chung để cho đời tốt đẹp giới luật Phật giáo. Ba đời này đã thể hiện tự nhiên trong năm giới và tất cả giới luật. Ba nghiệp phải nên có a thân cùng ba giới trong năm giới đều giới ng nhau.

Bên nghiệp phải nên có a khổ trong thế phải nên: không vọng ngữ, không vọng ngữ, không ác khẩu. Không vọng ngữ là sự ngăn cấm từ ngữ khác nhau, tất cả ngăn cấm dùng lời nói để lợi a lợi người, từ người người, quỵ rầy gây rầy hoàn cảnh môi trường xã hội và quan hệ giao tiếp giữa người với người. Trong ngũ giới tuy có giới “bất vọng ngữ”, nhưng nội dung của nó có thể bao gồm ba khổ nghiệp khác. Còn như không uống rượu trong năm giới, nói nghiêm túc nó thuộc về qui tắc đời sống, là qui định của Phật giáo. Uống rượu có thể làm cho tinh thần người ta mê li, làm mất đi sự tỉnh táo cho đời với chính mình, làm cho mình dễ dàng phạm giới luật, vì phạm hành vi đời sống, vì thế phải nghiêm cấm.

Ngũ giới tuy chỉ định cho tín đồ tại gia của Phật giáo, nhưng thế cũng bao hàm trong các giới của Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cũng có trong “thập trọng giới” của Đời thừa giới. Vì vậy có thể nói năm giới là giới đời của tất cả tín đồ Phật giáo, cũng là dùng để cho những quy tắc hành vi đời sống của chính mình. Trong quá trình Trung Quốc hóa Phật giáo, học giới Phật giáo gần với ngũ giới hơn là ngũ trọng của Nho giáo (nhân nghĩa, lễ trí tín) vì học thuyết đời sống trong ngũ giới đã hàm ý nghĩa đời sống, học đã đem ngũ giới, thế phải nên của Phật giáo và luân lý của Nho giáo dung hợp với nhau, do vậy mà rằng ý nghĩa hàm ý của thế phải nên và năm giới truy cập thế, đời này có đời đời với việc truy cập Phật giáo đời với các giai cấp xã hội, đời thế Phật giáo cũng như hàng ngày đời đời với chúng.

Thế giới ngày nay, trong sự phát triển cao độ, đời thế với công nông nghiệp và khoa học kỹ thuật, xã hội nhân loại đang đời đời với vô số vấn đề, và con người càng ngày càng đời đời với ý thức chung với việc nâng cao tinh thần đời sống và sự tu dưỡng văn hóa cho chính bản thân mình. Vì vậy người viết muốn nói, nên phát huy Tôn giáo trong việc nâng cao tác dụng tình cảm đời sống và tu dưỡng đời sống của con người. Phật giáo sẽ dĩ có chi u dày lịch sử là vì Phật giáo luôn vì tín đồ thuyết giáo đời sống, làm cho con người thu được thế đời sống, nhưng tinh thần đời sống mà hoàn toàn có thể thích ứng với đời sống đời sống của thế đời, có thể đời đời ra những giới thích hợp lý và mọi mặt, có tính khoa học, đời nhân loại trong thế đời ngày nay có thể tiếp nhận, đời thế đời y mà như sự phát triển mà văn minh lành mạnh cho nhân loại.

Đời sống Phật giáo làm thế nào để thích ứng với xã hội hiện đời, đã cần hiện đời những gì mà cho xã hội hiện đời? Người viết cho rằng có thể bắt đầu từ sự giới thích năm giới, thế phải

thiền, sau đó hàng đôn tín đồ, quần đơ quôn chúng trong xã hội tuyên đơng và phơ cởp nhơng ý nghĩa và tác đơng sâu rơng cởa nó.

Ví đơ không sát sanh trong ngũ giới, không chơ bao bảm ý nghĩa không giới t ngườ i mà còn phơ i biệ t yêu quý đơng vớ t, đơng thớ i đơ xớng lòng nhân t, có sớ tồn trơng sinh mớng, yêu thớng quôn chúng dân tởc và các quớ gia trên thớ giới, phớ n đơ tinh thớ n phân chia và bớ c hớ i chớng tởc giới a các dân tởc vớ i nhau, chớ n đơng chiớ n tranh và bớ o vớ hòa bình; không trớ m cởp không chớ có ý nghĩa không trớ m cởp đơ vớ t cởa ngườ i khác mà còn phơ i không nên dùng nhơng thớ đơng xớ o trá, đơ i gớ t ngườ i đơ lớ y dùng tài sớ n vớ t đơng cởa ngườ i khác, đơng thớ i phớ n đơ i các cớng quớ dùng nhơng thớ đơng buôn bán mớ u đơ ch không chớnh đáng cho đơ n cớng chớ, cớng đơng nhơng tài vớ t cởa ngườ i dân cho đơ n các quớ gia nghèo yớ u; không tà dâm, không chớ ngăn đơng cá nhân phát sinh nhơng quan hớ lớng tính bớ t chính, mà còn phơ i ngăn đơ t các hiớ n tởng hành vi xớ u ác vớ buôn bán sớ c tình đơ a đơ n sớ nguy hớ i cho phớ n, trớ em, thanh niớ; không vớng ngớ, không chơ bao hàm không nói lớ i đơ i trá giới a cá nhân vớ i nhau, không nghĩ đơ n viớ c lớng gớ t ngườ i, đơ xớng đơ a ra nhơng quan hớ giao tở thành tín giới a ngườ i vớ i ngườ i, mà còn phớ n đơ i nhơng lớ i nói hoang đơng không chân thớ t khi các quớ gia giao tở vớ i nhau, phớ n đơ i viớ c dùng nhơng thớ đơng đơ tiớ n xớ o trá lớng gớ t nhân dân và đơ a sớ sớng cởa hớ đơ tớ mình đơ t đơ c nhơng lớ i ích không chính đáng vớ chính trớ; không uớng rớ u, đơ i vớ i ngườ i thớng giới này khuyớ n nớ u có uớng rớ u thì uớng vớ i sớ lớng vớ a phớ i, đơng thớ i đơ xớng viớ c hớ n chớ hút thuớ c, ngăn ngớ a sớ ô nhiớ m gớ nguy hớ i đơ n vớ sinh công chúng, tránh đơng cớ hiớ n tởng nguy hớ i đơ n công chúng vớ viớ c buôn bán ma túy, chớch ma túy v.v....

Nói vớ không tham, không sân, không tà kiớ n trong thớp thiớ n, bao hàm các phớng đơ n rớng rãi, có thớ đơ xớng tinh thớ n “công chính vô t”, “liêm khiớ t và hòa hớ p”, “khoan dung”, “vớ cớng đơng mà phớ c vớ”, “truy cớ u và kiên trì vớ i chân lý” v.v...trong xã hớ i hiớ n đơ i đơ tiớ n đơ n sớ dung hớ p và trong nhơng trớng hớ p khác nhau nên mớ rớng sớ tuyên xớng. Đơ i vớ i viớ c kiớ n tở o nớ n văn minh đơ o đơ c cho xã hớ i hiớ n đơ i, tinh thớ n thớp thiớ n rớ t cớ n thiớ t đơ i vớ i mớ i ngườ i và quớ gia.

Nói vớ vớ n đơ Phật giáo thích nghi vớ i xã hớ i hiớ n đơ i, có rớ t nhiớ u vớ n đơ đáng đơ c chúng ta nghiên cớ u thâm sâu. Ớ trên ngườ i viớ t đã nói đơ n vớ n đơ nhớ n thớ c và sớ thích ớng cở a đơ o đơ c Phật giáo đơ i vớ i hoàn cớ nh xã hớ i và thớ giới mớ i, mớ c đích muớ n giới thích đây là mớ t trong nhơng vớ n đơ quan trớng.

TN Nguyễn Liên (đơ ch)